

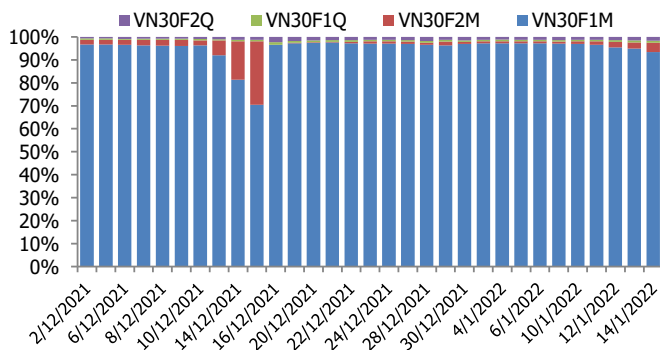
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2201	20/1/2022	6	1520.10	22,879
VN30F2202	17/2/2022	34	1522.00	1,008
VN30F2206	16/6/2022	153	1523.00	221
VN30F2209	15/9/2022	244	1524.00	397

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thể bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của các hợp đồng suy giảm về cuối phiên. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi trong phiên có biên độ biến động lớn. Theo đó, tổng khối lượng giao dịch của các hợp đồng tương lai giảm nhẹ, đạt 143.198 hợp đồng. Khối ngoại trở lại bán ròng HĐTL tháng 01 với 633 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 6.871 hợp đồng.
- Thị trường trong nước diễn biến giằng co trong phiên giao dịch cuối tuần. Dòng tiền thận trọng khiến cho các chỉ số trời sập không dứt khoát. Cả rổ VN30 chỉ giao dịch hơn 5.517 tỷ đồng, mức thấp kể từ đầu tháng 8/2021...Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng bị chốt lời mạnh trong nỗ lực hỗ trợ thị trường. Về mặt kỹ thuật, VN-Index test thành công ngưỡng hỗ trợ mạnh tại đường MA 50 ngày và trendline tăng dài hạn (tương đương vùng 1.470-1.480 điểm). Đây vẫn sẽ là hỗ trợ quan trọng nếu trạng thái điều chỉnh tiếp tục xuất hiện.
- Hoạt động giao dịch trong ngày nên được ưu tiên so với các giao dịch nắm giữ qua đêm khi thị trường vẫn đang rung lắc mạnh đồng thời xu hướng của VN30FM cần có thêm sự xác nhận. Chúng tôi cho rằng, bên Short nhiều khả năng vẫn có cơ hội sinh lời trong đầu phiên sáng 17/01. Tuy nhiên, trong bối cảnh chỉ số VN30 đang tiệm cận hỗ trợ mạnh ở khu vực 1515-1520, nếu chỉ số hồi phục trở lại từ nền giá này sẽ tạo cơ hội mở vị thể cho bên Long.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

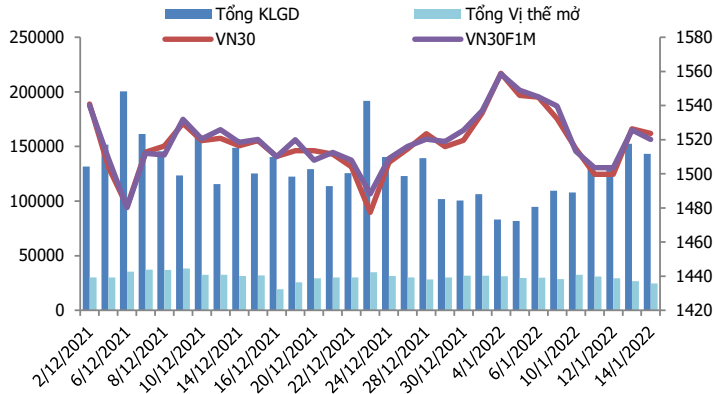
Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua mới khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1515-1518 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1513 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1533- 1537 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hạn chế nắm giữ vị thể qua đêm khi thị trường vẫn đang xuất hiện các nhịp rung lắc mạnh đồng thời xu hướng của chỉ số vẫn chưa rõ ràng.

Chiến lược giao dịch spread

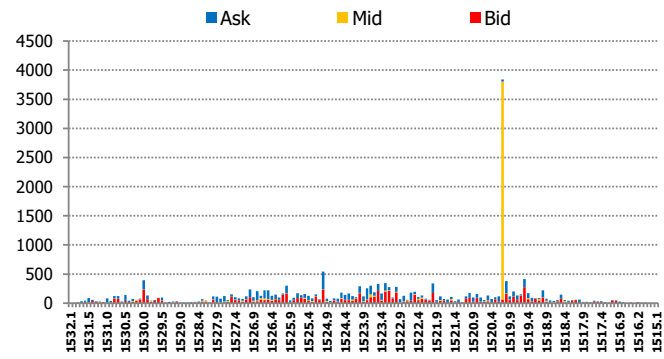
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thể giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỶ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2201	1520.1	-0.37	141,848	-6.5	22,879	-9.4
VN30F2202	1522.0	-0.28	1,192	90.1	1,008	45.5
VN30F2206	1523.0	-0.70	117	24.5	221	-9.8
VN30F2209	1524.0	-0.07	41	-40.6	397	-0.3
Tổng			143,198	-6.1	24,505	-7.9

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thế bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của các hợp đồng suy giảm về cuối phiên. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi trong phiên có biên độ biến động lớn.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 6,12% so với phiên liền trước, đạt 143.174 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 01 với 141.848 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại bán ròng HĐTL tháng 01 với 633 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 6.871 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2201 là 1.523,89 điểm (cao hơn 3,79 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2202 là 1.525,4 điểm (+3,4 điểm), VN30F2203 là 1.531,84 điểm (+8,84 điểm) và VN30F2206 là 1.536,78 điểm (+12,78 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

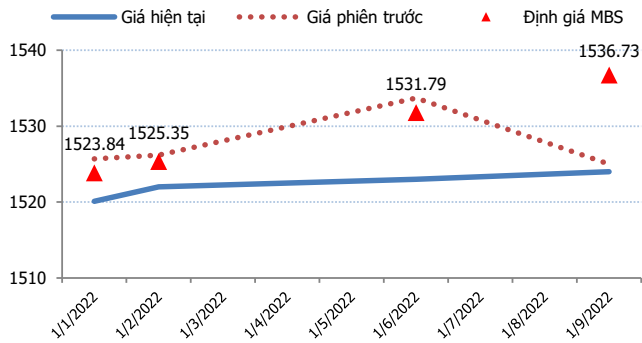
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	NEUTRAL	SELL
Hỗ trợ	1515-1518	1506-1509	1480-1491
Kháng cự	1527-1530	1539-1542	1567-1580

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	1.9	0.50	1.4	1.38
VN30F1Q - VN30F1M	2.9	8.00	-5.1	5.24
VN30F1Q - VN30F2M	1	7.50	-6.5	3.86
VN30F2Q - VN30F1M	3.9	-0.70	4.6	1.1
VN30F2Q - VN30F2M	2	-1.20	3.2	-0.28
VN30F2Q - VN30F1Q	1	-8.70	9.7	-4.14

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



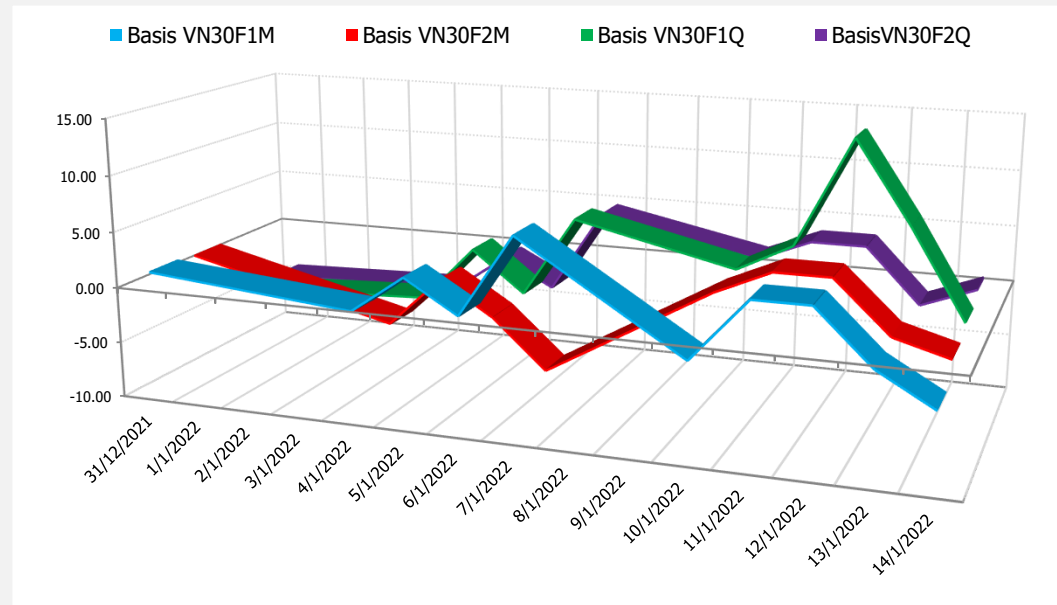
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

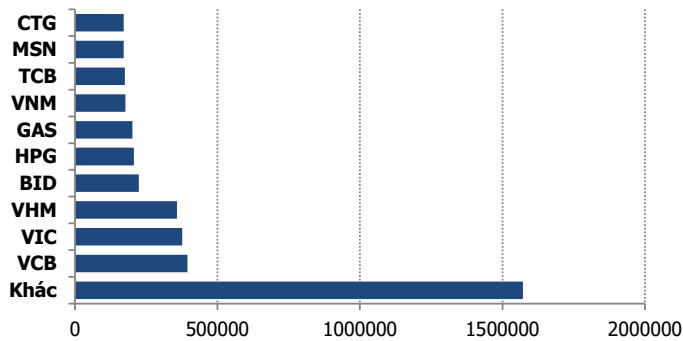
- Chịu tác động từ thị trường cơ sở, áp lực từ bên mở vị thế bán tăng nhanh và mạnh khiến điểm số của các hợp đồng suy giảm về cuối phiên. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi trong phiên có biên độ biến động lớn. Theo đó, tổng khối lượng giao dịch của các hợp đồng tương lai giảm nhẹ, đạt 143.198 hợp đồng.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng 1 điểm đến 3,9 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2202-VN30F2201) tăng thêm 1,4 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

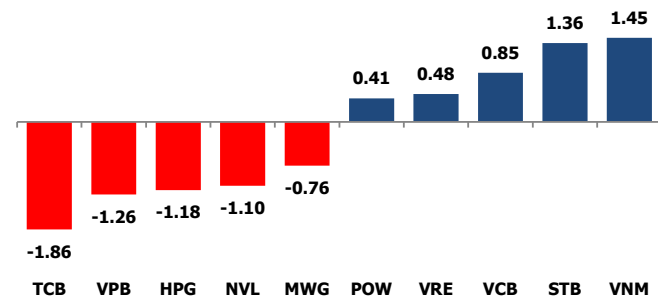


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1496.02	1523.57
Thay đổi	-0.03	-2.86
%Chg	0.00	-0.19
YTD	-0.15	-0.79
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,838.61	4,026.18
P/E	17.41	14.52
P/B	2.74	2.92

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân kéo các chỉ số chính tiếp tục giảm điểm. Tuy nhiên, số mã giảm điểm (12) không áp đảo so với số mã tăng điểm (14) và 4 mã đứng tham chiếu. TCB và VPB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -1,86 điểm và -1,26 điểm; ngoài ra HPG, NVL hay MWG là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 2,86 điểm (-0,19%) xuống 1.523,57 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 147,77 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 6.417 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với 786,55 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như STB (+118 tỷ đồng), VNM (+81 tỷ đồng), VCB (+67 tỷ đồng), HPG (+58 tỷ đồng), CTG (+54 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,496.02	(0.00)	17.41	(0.15)
Dow Jones	35,911.81	(0.56)	19.95	(1.17)
S&P500	4,662.85	0.08	25.59	(2.17)
Nikkei 225	28,124.28	(1.28)	15.94	(2.32)
Shanghai	3,521.26	(0.96)	15.06	(3.26)
DAX	15,883.24	(0.93)	15.33	(0.01)
Vàng	1,817.94	(0.25)		(0.62)
Dầu WTI	83.82	2.07		11.45

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 10/01/2022			
Thứ Ba - 11/01/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 11)	4.9%	3.9%	7.3%
Thứ Tư - 12/01/2022			
Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.5%	0.5%	0.6%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	-2.144M	-1.904M	-4.553M
Thứ Năm - 13/01/2022			
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	207K	200K	230K
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng/tháng) (Tháng 12)	1.0%	0.4%	0.2%
Thứ Sáu - 14/01/2022			
Anh - Tổng sản phẩm quốc nội GDP (tháng/tháng)	0.2%		0.9%
Anh - Sản lượng sản xuất (tháng/tháng) (Tháng 11)	0.1%	0.2%	1.1%
Anh - Thay đổi GDP hàng tháng (3 tháng/3 tháng)	0.9%		1.1%
Mỹ - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.1%	0.2%	-2.3%
Mỹ - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.2%	-0.1%	-1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Các cổ phiếu ngân hàng lớn giảm mạnh sau báo cáo kết quả kinh doanh, qua đó gây áp lực lên thị trường chứng khoán Mỹ khi Phố Wall ghi nhận tuần sụt giảm thứ 2 liên tiếp trong đầu năm 2022. Kết phiên, chỉ số Dow Jones rớt 201,81 điểm (-0,56%) xuống 35.911,81 điểm. Chỉ số S&P 500 nhích 0,08% lên 4.662,85 điểm, còn chỉ số Nasdaq Composite cộng 0,59% lên 14.893,75 điểm.
- Các hợp đồng dầu thô tương lai khởi sắc đưa giá dầu tăng tuần thứ 4 bất chấp nhiều nguồn tin nói rằng Trung Quốc sẽ giải phóng dự trữ dầu thô vào dịp Tết Nguyên đán. Đóng cửa, hợp đồng dầu Brent tiến 1,59 USD (+1,9%) lên 86,06 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 1,70 USD (+2,1%) lên 83,82 USD/thùng.
- Giá vàng giảm, chịu áp lực bởi đà tăng lợi suất trái phiếu Mỹ do triển vọng nâng lãi suất của Mỹ và đồng USD mạnh hơn. Kết phiên, hợp đồng vàng giao ngay lùi 0,3% xuống 1.816,22 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai mất 0,3% còn 1.816,50 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 TCB, VPB và HPG là những nguyên nhân chính kéo chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, TCB gây ảnh hưởng -1,86 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
TCB	Banks	8.10	49,750	-1.49	1.82%	259.52	-1.86	10.02	1.99
HPG	Metals & Mining	7.96	46,250	-0.96	1.41%	367.341	-1.18	6.53	2.46
VIC	Real Estate Management & Development	7.68	98,900	0.10	1.43%	100.591	0.12	79.25	3.71
VPB	Banks	7.18	34,850	-1.13	2.02%	242.561	-1.26	12.53	2.49
VHM	Real Estate Management & Development	6.26	82,200	0.00	1.47%	294.828	0.00	9.25	3.14
ACB	Banks	5.41	33,050	-0.90	1.36%	64.45	-0.75	9.18	2.10
VNM	Food Products	5.05	84,700	1.93	2.90%	211.928	1.45	18.78	5.69
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.02	91,300	-0.87	1.32%	62.7	-0.67	20.55	4.88
MSN	Food Products	4.88	144,800	0.00	2.04%	70.601	0.00	71.29	7.94
STB	Banks	4.47	35,000	2.04	5.04%	920.955	1.36	18.71	1.98
MWG	Specialty Retail	4.43	134,000	-1.11	1.35%	62.887	-0.76	21.86	5.08
MBB	Banks	4.40	29,650	-0.17	3.08%	281.832	-0.11	10.08	2.00
NVL	Real Estate Management & Development	3.95	82,000	-1.80	2.20%	252.228	-1.10	45.19	4.63
VCB	Banks	3.10	83,400	1.83	2.96%	125.98	0.85	18.68	3.61
HDB	Banks	3.04	30,600	-0.65	2.65%	82.282	-0.30	10.88	2.21
TPB	Banks	2.84	41,900	-0.59	2.28%	234.888	-0.26	12.76	2.68
VJC	Airlines	2.36	122,000	0.00	1.07%	71.273	0.00	53.73	3.91
SSI	Capital Markets	2.22	48,700	-0.31	2.38%	326.231	-0.10	22.42	3.54
CTG	Banks	1.82	35,450	0.85	3.47%	327.871	0.24	10.28	1.79
VRE	Real Estate Management & Development	1.82	34,400	1.78	5.00%	188.785	0.48	36.07	2.56
KDH	Real Estate Management & Development	1.59	53,500	0.00	3.24%	64.197	0.00	28.82	3.52
PDR	Capital Markets	1.29	91,800	1.44	2.56%	346.512	0.28	28.32	7.22
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.22	93,900	-0.21	2.84%	27.041	-0.04	22.28	3.84
SAB	Food Products	0.76	151,900	0.60	1.40%	12.199	0.07	25.82	4.59
GAS	Gas Utilities	0.72	105,500	0.48	2.90%	56.663	0.05	24.63	4.11
BID	Banks	0.64	44,250	0.57	4.16%	144.486	0.05	22.72	2.70
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.59	17,700	4.73	7.88%	378.438	0.41	14.28	1.37
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.50	55,000	1.48	2.42%	48.14	0.11	20.76	2.85
GVR	Real Estate Management & Development	0.41	35,700	0.56	3.13%	60.287	0.03	28.69	2.90
BVH	Beverages	0.29	54,200	0.37	2.80%	29.41	0.02	21.92	1.89

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn